

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 523/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1981; nơi thường trú: Số A, Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ C, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1985; nơi thường trú: Số A, Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Trần Văn H là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 02/2015, ngày 24/11/2015 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa chỉ số A, Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, tuy nhiên qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông H không quan tâm đến gia đình. Bà T1 nhiều lần khuyên răn cũng như cho ông H nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được. Bà T1 và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà T1 không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn được nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T1 và ông H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T1 cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Trần Văn H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 21 tháng 11 năm 2023, bà Nguyễn Thị Ánh T1 có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Văn H. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Trần Văn H, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trần Văn H đang cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Trần Văn H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 02/2015, ngày 24/11/2015 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà T1 và ông H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà T1 và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T1 xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã không còn sống chung, nên bà T1 quyết định ly hôn với ông H. Việc bà T1 và ông H không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt điều này chứng tỏ ông H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc. Qua xác minh tại nhà bà Lê Thị G (mẹ ruột ông Trần Văn H) cho biết: Bà T1 và ông H là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng bà T1 và ông H có phát sinh nhiều mâu thuẫn khoản từ năm 2016 thì bà T1 đã bỏ nhà đi và sống ly thân với ông H cho tới nay.

[2.1.3] Bà T1 xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà T1 và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T1 đối với ông Trần Văn H.

[2.2] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh T2 khai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1 đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 được ly hôn với ông Trần Văn H.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh T2 khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000532, ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Lý

Nguyễn Thị Hồng Thanh

Trần Châu Giang